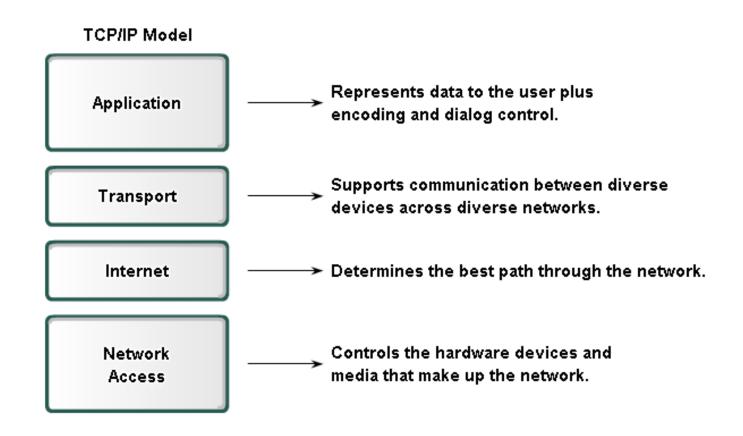
Lập trình mạng

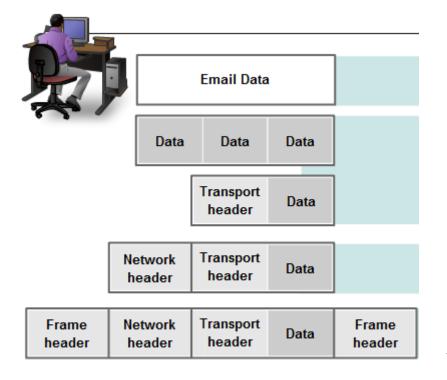
Chương 1: Kiến thức cơ bản

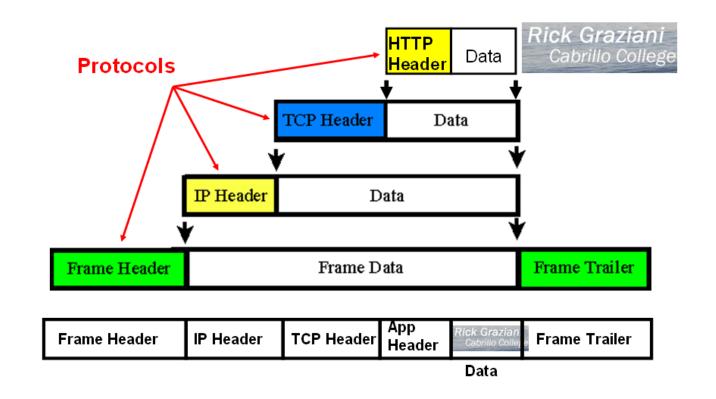
TS. TRẦN NGÔ NHƯ KHÁNH

Mô hình TCP/IP



Đóng gói dữ liệu





11000101010001011001010010101010101

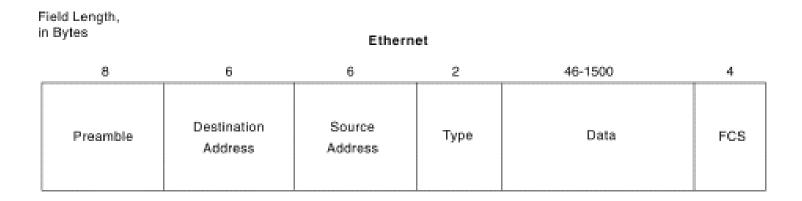
Kiểm tra gói tin bằng Wireshark

```
Source
 No. -
        Time
                                          Destination
                                                                Protocol
                                                                        Info

⊕ Frame 17 (1514 bytes on wire, 1514 bytes captured)

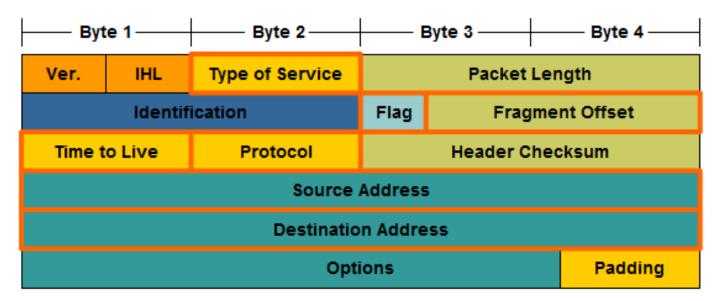
Ethernet II, Src: Cisco-Li_09:4e:0f (00:0f:66:09:4e:0f), Dst: QuantaCo_04:a2:1e (00:1b:24:04:a2:1e)
☐ Internet Protocol, Src: 207.62.187.7 (207.62.187.7), Dst: 192.168.1.101 (192.168.1.101)
    Version: 4
    Header length: 20 bytes
  ⊞ Differentiated Services Field: 0x20 (DSCP 0x08: Class Selector 1; ECN: 0x00)
    Total Length: 1500
    Identification: 0x8241 (33345)
  Fragment offset: 0
    Time to live: 51
    Protocol: TCP (0x06)
  Source: 207.62.187.7 (207.62.187.7)
    Destination: 192.168.1.101 (192.168.1.101)
⊕ Transmission Control Protocol, Src Port: http (80), Dst Port: 49851 (49851), Seq: 3182, Ack: 553, Len: 1460
                                                        .e.P..... *^...P.
0020 01 65 00 50 c2 bb c7 e0 10 60 5e 09 8c a6 50 10
0030 06 c8 3a 48 00 00 64 74 68 3d 22 31 22 20 68 65
                                                        ..:H..dt h="1" he
0040 69 67 68 74 3d 22 31 22 20 61 6c 74 3d 22 20 20 0050 22 20 62 6f 72 64 65 72 3d 22 30 22 3e 3c 2f 74
                                                        ight="1" alt="
                                                          border ="0"></t
0060 64 3e 0d 20 20 20 20 3c 74 64 20 68 65 69 67 68
                                                               < td heigh
                                                        t="12" a lign="ri
0070 74 3d 22 31 32 22 20 61 6c 69 67 6e 3d 22 72 69
0080 67 68 74 22 20 62 67 63 6f 6c 6f 72 3d 22 23 46
                                                        aht" bac olor="#F
```

Giao thức Ethernet

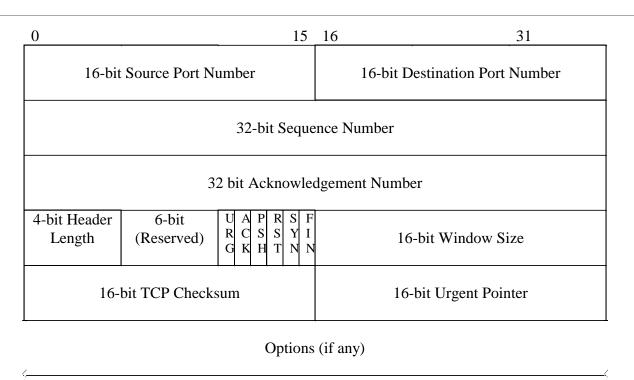


Giao thức IP

➤ Gói tin IP



Giao thức TCP



Data (if any)

Giao thức TCP

- Þặc điểm:
 - Connection Oriented
 - Flow control
 - Reliability
- > TCP Port
- Các pha trong một phiên làm việc của TCP
 - Tạo kết nối
 - Duy trì phiên làm việc
 - Đóng kết nối

Giao thức UDP

0		15	16	31
	16-bit Source Port Number		16-bit Destination Port Number	
	16-bit UDP Length		16-bit UDP Checksum	
Data (if any)				